TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 70/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2018
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

I. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

1. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huấn.

2. Các Hội thẩm nhân dân:

2.1. Ông Nguyễn Đức Tuân;

2.2. Ông Trần Xuân Hòa.

II. Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

II. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên: Bà Đặng Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 14/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2018/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 70/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 28/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1989, vắng mặt.

Quê quán, HKTT, trú tại: Thôn H, xã H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị R, sinh năm 1993, vắng mặt.

Quê quán, hiện trú tại: Xóm T, thôn Đ, xã A, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; HKTT: Thôn H, xã H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cháu Nguyễn Văn Huy O, sinh ngày 08/8/2014, vắng mặt;

Người giám hộ cho cháu O là anh Nguyễn Văn N (bố đẻ của cháu).

Hiện đều trú tại: Thôn H, xã H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

3.2. Cháu Nguyễn Hồng Y, sinh ngày 09/02/2016, vắng mặt.

Người giám hộ cho Y là chị Lê Thị R (mẹ đẻ của cháu).

Hiện đều trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

4. ***Người làm chứng:***

4.1. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1953, vắng mặt;

Trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

4.2. Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1967, vắng mặt.

Trú tại: Thôn H, xã H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26-7-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Lê Thị R trên cơ sở tự nguyện, hai bên có tiến hành làm thủ tục đăng ký theo quy định của pháp luật tại UBND xã H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/5/2012 (số 34/2012; quyển số 01). Sau khi kết hôn chị R chuyển về nhà chồng chung sống, đồng thời chuyển đăng ký hộ khẩu thường trú nhập về địa phương xã H, huyện Khoái Châu. Trong suốt thời gian hai bên về chung sống xẩy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn, căng thẳng, dẫn đến nhiều lần hai bên sống ly thân nhau và lần gần đây nhất chị R bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống khoảng 06 tháng nay. Mặc dù hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng không cải thiện được. Đến nay sau khi suy xét kỹ anh xác định hai bên không thể hàn gắn, níu kéo thêm nên anh quyết định làm đơn xin giải quyết ly hôn với chị R. Đồng thời anh xác định bận công việc, quan điểm không có gì thay đổi nên anh có đơn đề nghị xin được giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo cho anh N và chị R đến làm việc, xem xét quan điểm, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có anh N có mặt, còn chị R đều vắng mặt không có lý do. Ngày 21/8/2018 cán bộ Tòa án đã về gia đình, tiến hành lấy lời khai của chị R, quan điểm chị R cho biết như sau: Về quan hệ hôn nhânT như anh N đã trình bầy. Trong quá trình hai bên chung sống không có sự hòa hợp, bất đồng về quan điểm, lối sống nên đã sống ly thân nhau khoảng 02 năm nay. Khi hai bên bất đồng gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng không cải thiện được. Đến nay anh N làm đơn xin giải quyết ly hôn với chị, chị cũng xác định hai bên không còn tình cảm, không thể níu kéo nên chị nhất trí ly hôn với anh N. Chị cũng cho biết đã nhiều lần nhận được giấy báo của Tòa án thông báo đến làm việc nhưng do xác định giữa chị và anh N không còn gì liên quan nên chị không đến. Đồng thời chị xác định do bận công việc, hai bên không thể hàn gắn nên chị có đơn đề nghị Tòa án không báo chị đến nữa mà đưa vụ án ra giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Ngoài ra Tòa án còn tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương xã H, tiến hành lấy lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị Q mẹ đẻ chị R, ông Nguyễn Đình C là cậu anh N. Nội dung các biên bản cho thấy thống nhất như lời khai của anh N, chị R.

Về con chung: Anh N và chị R đều khẳng định vợ chồng có hai con chung, cháu lớn tên là Nguyễn Văn Huy O, sinh ngày 08/8/2014 và cháu nhỏ là Nguyễn Hồng Y, sinh ngày 09/02/2016. Hiện cháu O đang ở với anh N, còn cháu Y ở với chị R. Quan điểm của anh N và chị R thống nhất xác định nếu ly hôn giữ nguyên như hiện tại, anh N tiếp tục nuôi cháu O và chị R tiếp tục nuôi cháu Y cho đến khi các cháu trưởng thành. Trong đó ai nuôi cháu nào thì có trách nhiệm với cháu đó nên không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét về cấp dưỡng.

Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Anh N và chị R đều khẳng định đều không có gì nên không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bên đương sự đều vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng Dân sự, vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 BLTTDS).

2. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Cần xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Cần xử giao cháu Nguyễn Văn Huy O, sinh ngày 08/8/2014 cho anh N và giao cháu Nguyễn Hồng Y, sinh ngày 09/02/2016 cho chị R để anh, chị tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu trưởng thành. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn anh N và chị R được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của anh N và chị R đối với hai bên gia đình: Các bên đều khẳng định không có gì, không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị R là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống, gia đình, người thân đã động viên, khuyên bảo nhiều nhưng không cải thiện được. Đến nay hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, phù hợp với lời khai của anh N, chị R và lời khai của những người làm chứng, cũng như nội dung xác minh tại chính quyền địa phương xã H và tài liệu các bên cung cấp. Tòa án đã nhiều lần thông báo cho các bên đến làm việc, hòa giải nhưng chỉ có anh N có mặt, còn chị R đều vắng mặt không có lý do dù đã được tống đạt giấy báo hợp lệ, anh N và chị R đều xác định hai bên không còn tình cảm và quan hệ hôn nhân không thể níu kéo thêm nên đều xin được ly hôn nhau. Do đó, cần xử cho anh N được ly hôn với chị R theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Anh N và chị R đều khẳng định vợ chồng có hai con chung, cháu lớn tên là Nguyễn Văn Huy O, sinh ngày 08/8/2014 và cháu nhỏ là Nguyễn Hồng Y, sinh ngày 09/02/2016. Hiện cháu O đang ở với anh N, còn cháu Y ở với chị R. Quan điểm của anh N và chị RT xác định nếu ly hôn giữ nguyên như hiện tại, anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu O và chị R tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Y cho đến khi các cháu trưởng thành. Trong đó ai nuôi cháu nào thì có trách nhiệm với cháu đó, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét về cấp dưỡng. Xét thấy nguyện vọng của các bên đều là chính đáng, bản thân anh N và chị R đều đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Do đó cần xử giao cháu O cho anh N và giao Y cho chị R để anh, chị tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 14/9/2018 cho đến các cháu khi trưởng thành. Việc đóng góp cấp dưỡng các bên không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh N và chị R được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Anh N và chị R đều khẳng định không có gì, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 – BLTTDS năm 2015 – BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 - Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn với chị Lê Thị R.

3. Về nuôi con chung: Xử giao cháu Nguyễn Văn Huy O, sinh ngày 08/8/2014 cho anh N và giao cháu Nguyễn Hồng Y, sinh ngày 09/02/2016 cho chị R để anh, chị tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, kể từ ngày 14/9/2018 cho đến khi các cháu trưởng thành. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn anh N và chị R được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Anh N phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh N đã nộp theo Biên lai thu số 0002395 ngày 26/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn N và bị đơn chị Lê Thị R (đều vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Huấn